TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 642/2020/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 30 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 15 đường 582, Tổ 3, ấp Lào Táo Trung, xã A, huyện B, Thành phố C.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 58/2 đường Nguyễn Thị Châu, Tổ 99A, ấp Bến Cỏ, xã A, huyện B, Thành phố C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Ông Lê Minh T và bà Trần Thị Thu H đã được Ủy ban nhân dân xã TA, huyện B, Thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2014, quyển số 01/2014 ngày 24/7/2014.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Minh T và bà Trần Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 08/8/2015.

Bà Trần Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 08/8/2015. Ông Lê Minh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu thi hành từ tháng 8/2020.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Minh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung: Ông Lê Minh T và bà Trần Thị Thu H cùng xác định không có.

* Về nợ chung: Ông Lê Minh T và bà Trần Thị Thu H cùng xác định không có.

* Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng ông Lê Minh T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0083817 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Thị Thanh Thà